

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2020
*V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
giữa bà Đ và ông Th”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- X phần Hội đồng Xét Xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trịnh Thị Mai Hương

2- Ông Nguyễn Hoàng Thân

- Thư ký Tòa án: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 505/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 08/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Thục Đ sinh năm 1978, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 02, ấp 2 Đông, Xã BL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Ngọc Th, sinh năm 1977, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 02, ấp 2 Đông, Xã BL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26-8-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngô Thị Thục Đ trình bày: Về hôn nhân: Bà Đ và ông Vũ Ngọc Th chung sống như vợ chồng vào năm 1997, đến năm 2007 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Xã BL, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 29-9-2007 (Giấy đăng ký số 93).

Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông Th không quan tâm gia đình, không tôn trọng bà Đ nên bà Đ làm đơn xin ly hôn. Sau đó, bà Đ rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Bà Đ yêu cầu Xin ly hôn ông Th.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung Vũ Ngọc Phương A, sinh ngày 18-01-1999, Vũ Ngọc Tiến Đ, sinh ngày 18-10-2000 và Vũ Ngọc Minh H, sinh ngày 02-8-2011, cháu A và Đ đã thành niên, có khả năng lao động nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà Đ yêu cầu được nuôi con chưa thành niên là cháu H, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Vũ Ngọc Th là bị đơn nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả Xác minh tại ấp 2 Đông, Xã BL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Xác định bà Đ và ông Th cư trú và sinh sống tại địa phương. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, cãi vã nhưng địa phương không biết nguyên nhân, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Đ ly hôn; về nuôi con chung, chấp nhận cho bà Đ nuôi con chưa thành niên, bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; về chia tài sản chung, bà Đ không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[2] *Về tố tụng:*

[2.1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; bị đơn cư trú tại xã BL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] *Về thủ tục giải quyết vắng mặt:* Bà Ngô Thị Thục Đ là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Vũ Ngọc Th là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của bà Ngô Thị Thục Đ và ông Vũ Ngọc Thành là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Đ trình bày, sau thời gian chung sống, đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Th không quan tâm gia đình, không tôn trọng bà Đ nên bà Đ làm đơn Xin ly hôn. Sau đó, bà Đ rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Tại biên bản Xác minh ngày 28-10-2019 xác định ông bà có mâu thuẫn, cãi vã. Cho thấy, mâu thuẫn của ông bà là có thật. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Đ ly hôn ông Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về nuôi con chung*: Ông bà có 03 con chung, 02 cháu đã thành niên, có khả năng lao động, bà Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; cháu H là người chưa thành niên, bà Đ yêu cầu nuôi, nguyện vọng của cháu H muốn ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Đ là phù hợp. Bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[3.3] *Về chia tài sản chung*: Bà Đ không yêu cầu nên không xét đến.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Ngô Thị Thục Đ ly hôn ông Vũ Ngọc Th.

2. *Về nuôi con chung*: Vũ Ngọc Phương A, sinh ngày 18-01-1999, Vũ Ngọc Tiến Đ, sinh ngày 18-10-2000 đã thành niên, có khả năng lao động, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên là Vũ Ngọc Minh H, sinh ngày 02-8-2011; bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; ông Th có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Bà Đ không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0000418 ngày 27-8-2019

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X; bà Đ đã nộp đủ; ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- THA huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trần Hiền

